

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con;

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Nam Văn

Ông Trịnh Tiến Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 242/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/QĐHPT ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Vũ Bá C - sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, Thanh Hóa (có đơn xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Chị Tổng Thị H - sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu Tr, thị trấn H, huyện H, Thanh Hóa,

(vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai ngày 02/11/2022, anh Vũ Bá C có quan điểm trình bày như sau:**

Anh Vũ Bá C và chị Tổng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, vào ngày 23/11/2016. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp

nhau, chị H không chăm lo cuộc sống cho gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên từ năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn Hậu Lộc, sinh sống. Từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong giấy khai sinh do anh C cung cấp, thể hiện vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Vũ Bá V, sinh ngày 04/11/2016, tên bố là Vũ Bá C và tên mẹ là Tống Thị H. Hiện nay cháu V đang ở với chị H nên anh đề nghị chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu thành niên, phần cấp dưỡng nuôi con chung anh đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng chưa có tài sản chung nên anh không đề nghị xem xét giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho chị H và được ông Tống Văn Oanh là bố đẻ nhận thay văn bản tố tụng vào ngày 28/10/2022. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng chị H đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện thông tin khai báo đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Ngày 10/11/2022, anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 29/11/2022, can bộ địa phương cho biết, chị Tống Thị H kết hôn với anh Vũ Bá C vào năm 2016, năm 2017 chị H đã về địa phương sinh sống cho đến nay không thấy quay lại nhà chồng, ông cũng không nắm bắt được vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ biết chị H cùng cháu V là con về ngoại ở cho đến nay.

Tại phiên tòa lần 2, chị H vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do bị đơn vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho người thân thích bị đơn nhận, công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và lý do xin vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa nêu tóm tắt vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng tiến hành thảo luận về vấn đề giải quyết xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 203 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Vũ Bá C được ly hôn với chị Tống Thị H.

Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung, hiện nay cháu Vũ Bá Vương, sinh ngày 04/11/2016 đang ở với chị H. Nay tiếp tục giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không xem xét vì chị H vắng mặt, anh C đề nghị để hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Vũ Bá C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa lần hai nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Tống Thị H và anh Vũ Bá C, kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, vào ngày 23/11/ 2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh C và chị H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2016, anh C và chị H chính thức đăng ký kết hôn, nhưng cuộc sống hôn nhân của anh C và chị H trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình anh, chị không hợp, không quan tâm, chăm lo cho nhau, nên năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu Trung Thành, thị trấn Hậu Lộc, để sinh sống đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị H không có thông tin về quan điểm yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C. Lời khai của anh C cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H đã không còn tình cảm với nhau, hai bên đã sống ly thân trong một thời gian dài mà không có giải pháp hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, lý do và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn tới ly hôn của anh C là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C là phù hợp tình trạng hôn nhân như hiện nay.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Từ 2019 đến nay chị H vẫn sinh sống tại khu Tr, thị trấn H. Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án đã được ông Tống Văn Oanh là bố đẻ trực tiếp nhận. Do đó, việc vắng mặt của bị đơn là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, từ chối khai báo, gây khó khăn cho nguyên đơn, cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ kết quả tổng đạt văn bản tố tụng thì việc tổng đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn là hợp lệ. Trên cơ sở đề nghị của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn là phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự.

[5] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Vũ Bá Vương, sinh ngày 04/11/2016, hiện nay cháu V đang ở với chị H, anh C không có nguyện vọng nuôi con chung nên giao cháu Vương cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng, chị H vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Bá C, anh C được ly hôn với chị Tống Thị H.

Về con chung: Công nhận anh Vũ Bá C và chị Tống Thị H có 01 con chung, cháu tên là Vũ Bá Vương, sinh ngày 04/11/2016. Giao cháu Vương cho chị H, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng, chị H vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0009024 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (anh C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai vắng mặt các bên đương sự, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS H.
- UBND xã H;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

***Nguyễn Văn Nghi***